

FY2027

Hướng dẫn nộp đơn xin học bổng dành riêng (Khoản vay học bổng)



Tổ chức pháp nhân công ích

Oosakafu Ikueikai

6-20 Amijima-cho, Miyakojima-ku, Osaka 534-0026

Osaka Shigaku Kaikan 2F

Giờ làm việc: 9:00 sáng - 5:30 chiều các ngày trong tuần

Truy cập trang chủ >>>

Oosakafu Ikueikai



Mọi thắc mắc xin liên hệ

Bộ phận khoản vay học bổng

TEL 06 - 6357 - 6272

FAX 06 - 6358 - 3053

(Lưu ý) Vui lòng đảm bảo quay đúng số điện thoại.

1

Về chế độ

Chương trình này được thiết kế để cho phép dành riêng khoản vay học bổng cho những học sinh muốn theo học trường trung học phổ thông hoặc các tổ chức khác có động lực học tập mạnh mẽ nhưng gặp khó khăn về tài chính khi theo đuổi việc học.

Học bổng từ Oosakafu Ikueikai (Hiệp hội học bổng của tỉnh Osaka) không tính lãi suất.

2

Các loại học bổng

- Khoản vay học bổng tăng dần ghi danh

Khoản vay học bổng tăng dần ghi danh được cung cấp trước khi ghi danh vào trường trung học phổ thông hoặc các tổ chức tương tự (không bao gồm học kỳ sau của trường giáo dục trung học cơ sở). Học bổng này nhằm để trang trải các chi phí cần thiết khi nhập học.

- Khoản vay học bổng

Khoản vay học bổng được cung cấp trong thời gian đi học để trang trải học phí và các chi phí cần thiết khác cho giáo dục tại trường trung học phổ thông hoặc các tổ chức tương tự.

****Đơn xin vay học bổng tăng dần ghi danh sẽ chỉ được chấp nhận trong thời gian nộp đơn hiện tại.****

Những ai có lo ngại về tài chính khi tiếp tục học trung học phổ thông hoặc các tổ chức tương tự rất nên nộp đơn trong đợt này. (Người nộp đơn có thể rút đơn bất cứ lúc nào nếu khoản vay cần thay đổi sau khi nộp đơn.)

3

Trình độ của người nộp đơn

- Người nộp đơn phải là học sinh dự định ghi danh vào bất kỳ trường nào sau đây vào tháng 4 năm 2027, theo Đạo luật Giáo dục trường học.
 - Các trường trung học (bao gồm học kỳ sau của các trường giáo dục trung học cơ sở và phần trung học phổ thông của các trường có nhu cầu đặc biệt) và các trường cao đẳng công nghệ
 - Các khóa học cao đẳng tại các trường đào tạo chuyên môn (tuy nhiên chỉ áp dụng cho các khóa học có thời gian học tối thiểu là một năm)

Lưu ý) Học sinh trong học kỳ sau của một trường giáo dục trung học cơ sở không đủ điều kiện cho Khoản vay học bổng tăng dần ghi danh.
- Người giám hộ của người nộp đơn (chẳng hạn như cha hoặc mẹ) phải cư trú trong tỉnh Osaka. Thuật ngữ "người giám hộ" đề cập đến người thực hiện quyền của cha mẹ hoặc đóng vai trò là người giám hộ hợp pháp cho trẻ vị thành niên, theo Bộ luật Dân sự. Nếu không có người giám hộ, thuật ngữ này áp dụng cho người hỗ trợ sinh kế của những học sinh muốn theo học giáo dục bậc cao hơn và chịu trách nhiệm về chi phí giáo dục của họ. Người giám hộ là người nước ngoài thì phải có đủ tư cách cư trú sau đây để nộp đơn đăng ký.

[Tình trạng cư trú]

- Vĩnh trú
- Vợ/chồng của công dân Nhật Bản, v.v...
- Vợ/chồng của người vĩnh trú, v.v...
- Định trú (*)

(*) Người định trú không đủ điều kiện để nộp đơn đăng ký trừ khi họ có ý định cư trú vĩnh viễn tại Nhật Bản trong tương lai.

3. Đối với người giám hộ (chẳng hạn như cha hoặc mẹ), số tiền đánh giá thu nhập được tính bằng công thức dưới đây phải đáp ứng các tiêu chí được quy định sau:

(*Tổng số tiền thu nhập của người giám hộ dựa trên số tiền cơ sở tính thuế cư trú năm 2026)

[Công thức]

Số tiền cơ sở tính thuế thu nhập thành phố $\times 6\%$ - Khoản khấu trừ điều chỉnh thuế thu nhập thành phố (*) = Số tiền đánh giá thu nhập

(*) Nếu người giám hộ nộp thuế thành phố tại một thành phố do chính phủ chỉ định, số tiền khấu trừ điều chỉnh sẽ được nhân với 3/4.

Loại	Trường trung học phổ thông, v.v..., nơi người nộp đơn sẽ nhập học	<u>Số tiền đánh giá thu nhập</u>	Tiêu chuẩn thu nhập hằng năm (*)
Khoản vay học bổng tăng dần ghi danh	Công lập/Tư thực	Dưới 251.100 yên	Dưới 8.000.000 yên
Khoản vay học bổng	Công lập	Dưới 251.100 yên	Dưới 8.000.000 yên
	Tư thực	Dưới 347.100 yên	Dưới 10.000.000 yên

(*) Tiêu chuẩn thu nhập hằng năm đề cập đến trường hợp một trong hai người giám hộ đang đi làm và gia đình gồm bốn thành viên, trong đó có hai con (một người con từ 16 đến dưới 19 tuổi và một người con dưới 16 tuổi).

- *1. Đối với những người thuộc các danh mục được chỉ định trong Điều 295, Khoản 1 của Đạo luật thuế địa phương hoặc những người không thể chịu thuế thành phố đối với thu nhập theo Khoản 4, Điều 3-3 của Điều khoản bổ sung của cùng Đạo luật, số tiền tính toán dựa trên công thức sẽ được xem là 0.
- *2. Số tiền cơ sở tính thuế đề cập đến số tiền được sử dụng làm cơ sở để tính phần thuế thu nhập của thuế thành phố và thuế tỉnh.
- *3. Khấu trừ điều chỉnh đề cập đến khoản khấu trừ được thực hiện để điều chỉnh gánh nặng phát sinh từ sự khác biệt giữa thuế thành phố riêng lẻ và các khoản khấu trừ cá nhân do chuyển doanh thu thuế từ chính phủ quốc gia sang chính quyền địa phương trong năm 2007.
- *4. Số tiền cơ sở tính thuế và các thông tin khác cũng có thể được kiểm tra thông qua dịch vụ trực tuyến Mynportal do chính phủ vận hành.

4

Hạn mức vay

- Khoản vay học bổng tăng dần ghi danh (Chọn số tiền mong muốn trong phạm vi sau đây, tính theo đơn vị 10.000 yên)

Trường trung học phổ thông, v.v..., nơi người nộp đơn sẽ nhập học	Hạn mức vay	(Khóa học hàm thụ)
Công lập	100.000 yên	(100.000 yên)
Tư thực	370.000 yên	(<u>270.000 yên</u>)
Tư thực (không bao gồm chi phí CNTT)	300.000 yên	(<u>200.000 yên</u>)

* Trong trường hợp trường tư thực, hạn mức vay sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc có chi phí CNTT hay không.

- Khoản vay học bổng (Chọn số tiền mong muốn trong phạm vi sau đây; nếu ít hơn hạn mức tối đa được yêu cầu, khoản vay sẽ được cung cấp theo mức tăng 10.000 yên)

Trường trung học phổ thông, v.v..., nơi người nộp đơn sẽ nhập học	<u>Số tiền đánh giá thu nhập</u>	Tiêu chuẩn thu nhập hằng năm	Hạn mức vay (số tiền hằng năm)
Công lập Tư thực	Dưới 251.100 yên	Dưới 8.000.000 yên	Học phí thực tế phải trả (*1) + 100.000 yên cho các chi phí giáo dục khác (Giới hạn là 100.000 yên nếu học phí thực tế phải trả (*1) bằng không.)
Tư thực	251.100 yên trở lên Dưới 347.100 yên	8.000.000 yên trở lên Dưới 10.000.000 yên	Học phí thực tế phải trả (*1) (Lưu ý) Tối đa 240.000 yên (<u>*2</u>)

(*1) Học phí thực tế phải trả đề cập đến chi phí bắt buộc của học phí sau khi khấu trừ khoản hỗ trợ tài chính của chính phủ cho việc đi học, khoản trợ cấp hỗ trợ học phí của tỉnh Osaka và bất kỳ khoản giảm hoặc miễn học phí cụ thể nào của trường từ số tiền học phí hằng năm của mỗi trường.

(*2) Nếu học phí thực tế phải trả ít hơn 240.000 yên, số tiền đó sẽ là giới hạn tối đa.

Tài liệu cần thiết	① Mẫu đơn đăng ký học bổng dành riêng ② Bằng chứng về thu nhập của người giám hộ ③ Giấy chứng nhận cư trú đối với học sinh và người giám hộ ④ Bản sao sổ tiền gửi hoặc thẻ rút tiền mặt của học sinh, v.v...
	* Tài liệu không đầy đủ hoặc không chính xác sẽ không được chấp nhận! * Nếu địa chỉ trên mẫu đơn đăng ký khác với địa chỉ trên giấy chứng nhận cư trú, thì phải nộp bản tường trình hoàn cảnh!
Thời hạn nộp hồ sơ	Hạn chót được chỉ định bởi trường trung học cơ sở hiện tại (hoặc trước đây) của người nộp đơn (<u>hãy đảm bảo tuân theo thời hạn</u>) [Thời hạn nộp hồ sơ cho trường: (tháng và ngày)]
Nơi nộp	Trường trung học cơ sở hiện tại (hoặc trước đây) của người nộp đơn

Quyết định chấp nhận/từ chối khoản vay sẽ được thông báo cho người nộp đơn (học sinh) thông qua hiệu trưởng nhà trường vào giữa tháng 12.

Người nộp đơn được chấp nhận (sau đây gọi là “người nhận khoản vay tiềm năng”) sẽ được cấp Thông báo về việc quyết định người nhận khoản vay tiềm năng của Oosakafu Ikueikai cho Học bổng dành riêng thông qua hiệu trưởng của trường.

[Nội dung thông báo tới người nộp đơn được chấp nhận]

Số tiền đánh giá thu nhập	Nội dung thông báo
Dưới 251.100 yên	Được nhận cả khoản vay học bổng tăng dần ghi danh và khoản vay học bổng
251.100 yên trở lên Dưới 347.100 yên	Chỉ được nhận khoản vay học bổng (không được nhận khoản vay học bổng tăng dần ghi danh)

Các giấy tờ cho vay, bao gồm cả giấy chứng nhận cho vay, sẽ được chuyển đến người nhận khoản vay tiềm năng thông qua nhà trường vào giữa tháng 12..

(*Vui lòng ghi nhớ thời điểm nhận các giấy tờ, bao gồm cả giấy chứng nhận và đảm bảo đến trường để lấy.)

Cần thực hiện các thủ tục sau đây để nhận được khoản vay. Nếu người nộp đơn không hoàn tất các thủ tục trong thời hạn nộp thì sẽ bị xem là đã từ chối khoản vay. (Người nộp đơn sẽ không đủ điều kiện để vay.)

Người nộp đơn phải đăng ký cho cả khoản vay học bổng tăng dần ghi danh và khoản vay học bổng. Không thể nhận cả hai khoản vay thông qua một trong hai thủ tục.

Người nộp đơn sẽ được thông báo chi tiết về các thủ tục khi các giấy tờ cho vay được cấp.

- Khoản vay học bổng tăng dần ghi danh

- (1) Nơi nộp **Bộ phận Khoản vay học bổng, Oosakafu Ikueikai (Pháp nhân tổ chức công ích)**
- (2) Phương thức nộp Vui lòng nộp đơn qua bưu điện (ví dụ: bưu phẩm bảo đảm) gửi đến Oosakafu Ikueikai. (Vui lòng không sử dụng dịch vụ bưu phẩm thông thường hoặc gửi vào thùng thư; đây là những giấy tờ quan trọng.)
- (3) Thời hạn nộp Trong khoảng thời gian tiếp theo (sau khi xác nhận trường học được nhập học)

Loại đăng ký (*)	Thời hạn nộp
Đăng ký một lựa chọn (tư thực)	Từ thứ Tư, ngày 6 tháng 1 và không muộn hơn thứ Hai, ngày 29 tháng 3 năm 2027
Đăng ký ghi danh đồng thời (tư thực và công lập)	

Công lập	Từ thứ Sáu, ngày 12 tháng 2 và không muộn hơn thứ Hai, ngày 29 tháng 3 năm 2027
----------	---

Lưu ý) Không thể cấp khoản vay sau khi ghi danh. Hãy đảm bảo hoàn tất các thủ tục trong thời hạn nộp.

- (4) Tài liệu cần thiết
- ① Giấy chứng nhận cho vay học bổng tăng dần ghi danh
 - ② Giấy chứng nhận đăng ký con dấu của người bảo lãnh chung (người giám hộ) (Phải là bản gốc được cấp trong vòng ba tháng trước ngày nộp cho Oosakafu Ikueikai.)
 - ③ Một tài liệu xác nhận việc nhập học của người nộp đơn (ví dụ: một bản sao giấy chứng nhận nhập học)
- (5) Điểm cần lưu ý
- Nếu người nộp đơn không vào trường để theo học như được nêu trong Giấy chứng nhận cho vay học bổng tăng dần ghi danh, khoản vay phải được hoàn trả trong một lần.
- Khoản vay học bổng
- (1) Nơi nộp **Trường trung học phổ thông, v.v..., nơi người nộp đơn sẽ nhập học**
- (2) Phương thức nộp Nộp trực tiếp hoặc theo phương thức được chỉ định bởi trường trung học phổ thông, v.v..., nơi người nộp đơn sẽ nhập học
- (3) Thời hạn nộp Đến đầu tháng 4 năm 2027 (theo hạn chót được chỉ định bởi trường trung học phổ thông, v.v..., nơi người nộp đơn sẽ nhập học)
- (4) Tài liệu cần thiết
- ① Giấy chứng nhận cho vay học bổng
 - ② Giấy chứng nhận đăng ký con dấu của người bảo lãnh chung (người giám hộ) (Phải là bản gốc được cấp trong vòng ba tháng trước ngày nộp cho Oosakafu Ikueikai.)

9 Thời gian vay

- Khoản vay học bổng tăng dần ghi danh
Khoản vay sẽ được cung cấp trước khi học sinh ghi danh, với điều kiện là trường mà người nộp đơn sẽ nhập học đã được xác nhận.
* Chúng tôi sẽ kiểm tra các tài liệu đã gửi và xử lý chuyển tiền trong vòng khoảng 10 ngày sau khi hoàn tất kiểm tra.

- Khoản vay học bổng

Khoản vay sau đây sẽ được cấp trong khi học sinh đang theo học tại trường trung học phổ thông, v.v...

Thời gian vay	Lần thứ 1	Lần thứ 2	Lần thứ 3
Ngày chuyển khoản vay	Ngày 30 tháng 5	Ngày 11 tháng 10	Ngày 30 tháng 1

- Các khoản vay sẽ được cấp thông qua chuyển khoản ngân hàng.
- Nếu ngày chuyển khoản vay rơi vào ngày không làm việc của tổ chức tài chính, việc chuyển tiền sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.
- Có thể có khoản vay thứ hai hoặc thứ ba tùy thuộc vào số tiền vay.
- Về nguyên tắc, số tiền cho vay tối đa mỗi lần là 100.000 yên đối với các tổ chức công lập và 200.000 yên đối với các tổ chức tư thực.
- Thời gian vay là thời gian học bắt buộc tối thiểu tại trường đã ghi danh.

10 Khoản vay

1. Quỹ học bổng sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng của người nộp đơn.
2. Tư cách là người nhận học bổng sẽ được xác minh thông qua nhà trường vào tháng 4 hằng năm. Dựa trên kết quả xác minh, quỹ học bổng có thể bị tạm hoãn hoặc chấm dứt.
3. Số tiền khoản vay học bổng (số tiền hằng năm) có thể được điều chỉnh trong trường hợp có sự thay đổi về số tiền học phí hoặc hỗ trợ tài chính khác.
Nếu thay đổi về số tiền hỗ trợ học phí hoặc hỗ trợ tài chính tương tự dẫn đến vượt quá khoản vay, thì số tiền vay vượt quá phải được trả lại.
4. Nếu học sinh bị phát hiện quá hạn trong việc đóng học phí hoặc sử dụng quỹ học bổng cho các mục đích khác, quỹ học bổng có thể bị tạm hoãn hoặc chấm dứt.

Sau khi nhập học, học sinh phải thông báo cho Oosakafu Ikueikai thông qua nhà trường về bất kỳ thay đổi nào trong tình trạng nhập học của học sinh, chẳng hạn như lưu ban, nghỉ học, thôi học, chuyển trường, thay đổi người bảo lãnh hoặc bất kỳ sửa đổi (thay đổi) nào đối với thông tin cần khai báo.

Việc không thông báo cho chúng tôi về bất kỳ sửa đổi (thay đổi) nào có thể dẫn đến việc tạm hoãn hoặc chấm dứt khoản vay học bổng.

Đối với người nhận học bổng đã nhận khoản vay học bổng, khi khoản vay học bổng kết thúc hoặc bị chấm dứt, người nhận sẽ được thông báo về tổng số tiền đã vay và thời gian vay thông qua hiệu trưởng nhà trường. Khi nhận được thông báo, học sinh phải ngay lập tức nộp mẫu đơn đăng ký tài khoản hoàn trả cho Oosakafu Ikueikai thông qua hiệu trưởng nhà trường.

Học bổng là một khoản vay. Khoản vay phải được hoàn trả sau khi tốt nghiệp (khi thời gian vay kết thúc). Hãy đảm bảo hoàn trả khoản vay, vì các quỹ hoàn trả sẽ được sử dụng để cung cấp học bổng cho học sinh tương lai.

- Việc hoàn trả quỹ học bổng bắt đầu sau khi học sinh tốt nghiệp được sáu tháng và số tiền quy định sẽ được chuyển từ tài khoản tiết kiệm của người vay (của học sinh).
 - * Trong trường hợp khoản vay kết thúc không phải do tốt nghiệp mà do lý do khác (ví dụ như nghỉ học giữa chừng) trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 5, việc hoàn trả sẽ bắt đầu vào tháng 10 cùng năm. Nếu khoản vay bị kết thúc vào ngày 1 tháng 6 hoặc muộn hơn, việc trả nợ sẽ bắt đầu vào tháng 10 của năm kế tiếp.
- Về nguyên tắc, khoản vay phải được hoàn trả theo hình thức trả góp hằng tháng. Số tiền hoàn trả hằng tháng phụ thuộc vào tổng số tiền vay.
- Nếu việc hoàn trả khoản vay như đã hứa gặp khó khăn vì lý do tài chính hoặc lý do khác, vui lòng đảm bảo liên hệ với Oosakafu Ikueikai. Nếu tiếp tục quá hạn mà không có liên lạc, khoản phí quá hạn 8,9% hằng năm sẽ được áp dụng cho số tiền quá hạn, tùy thuộc vào thời gian quá hạn. Nếu người nhận có đủ nguồn tài chính để hoàn trả khoản vay nhưng không thực hiện điều đó, tổ chức này có thể không có lựa chọn nào khác ngoài việc thực hiện các biện pháp pháp lý, chẳng hạn như biện pháp cưỡng chế.

- Khi xử lý thông tin cá nhân, chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết và tiến hành giám sát thích hợp để đảm bảo công tác quản lý cẩn thận và phù hợp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các cá nhân.
- Thông tin cá nhân như tên, địa chỉ của người nhận, giấy chứng nhận đăng ký con dấu của người bảo lãnh chung, tình trạng thu nhập, tài khoản tiết kiệm và tên tài khoản sẽ được sử dụng để đánh giá việc trao học bổng, chuyển tiền từ quỹ và quản lý việc hoàn trả.
- Trong trường hợp bên vay không báo cáo những thay đổi về địa chỉ của họ hoặc của người bảo lãnh chung trong thời gian hoàn trả, khiến cho việc gửi thông báo thanh toán không thể thực hiện được, tổ chức này sẽ yêu cầu giấy chứng nhận cư trú từ chính quyền địa phương thông qua tỉnh Osaka và tiến hành điều tra xác minh địa chỉ.

- Nếu phát hiện ra thông tin không đúng sự thật trong hồ sơ đăng ký sau khi quyết định cho vay học bổng đã được đưa ra, quyết định cho vay có thể bị thu hồi.
- Nếu phát hiện ra rằng khoản vay đã được sử dụng không phù hợp, toàn bộ số tiền phải được hoàn trả trong một lần.
- Vui lòng lưu ý rằng các tài liệu nộp đơn đăng ký sẽ không được trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.
- Nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với chế độ quỹ hỗ trợ trường học hoặc các chế độ tương tự, chế độ cho vay học bổng này cũng có thể bị thay đổi theo đó.

★ Chúng tôi đã giới thiệu chế độ hỗ trợ hoàn trả học bổng (chế độ hoàn trả ủy nhiệm)!!

Để biết tổng quan về chế độ, vui lòng truy cập trang web của Oosakafu Ikueikai!



Về hồ sơ cần nộp

1 Ví dụ cách điền Đơn đăng ký A

A

注) 申込みのしおり5ページの記入例を参照のうえ、記入してください。
～ 令和9年度 大阪府育英会予約奨学生申込書 ～

(受付番号)

1

2

6

1

公益財団法人大阪府育英会 理事長 様
公益財団法人大阪府育英会の「予約奨学生（奨学金）申込みのしおり」の記載内容に同意のうえ、
令和9年度大阪府育英会予約奨学生に申込みます。

この申込書は、必ず各自で記入してください。

記入年月日 2026 年 〇 月 〇〇 日

生
徒
本
人
記
入
欄

在学 学校名	〇 〇市立 〇 〇 中学校		
申込者（生徒）氏名（カタカナで左づめで記入してください。） *姓と名は1マスあけ、濁点・半濁点は1マス使用	シ ヨ ウ カ ` ク ノ ソ ` ミ		
申込者氏名 （借用人）	奨学 希望	生年 月日	昭和 平成 西暦 23 年 8 月 17 日生
住 所	〒 534 - 〇〇〇〇 大阪市〇〇区〇〇町1-2-3	電話	(自宅) ** - **** - **** (携帯) *** - **** - ****

※ 連帯保証人は保護者（父母等）とします。保護者以外の場合は、事情等を詳細に記載した事情書の添付が必要です。

連
帯
保
証
人
記
入
欄

氏 名	フリガナ ショウガク タロウ	続 柄	父	生年 月日	昭和 平成 西暦 56 年 4 月 10 日生
住 所	〒 534 - 〇〇〇〇 大阪市〇〇区〇〇町1-2-3	電話		(自宅) ** - **** - **** (携帯) *** - **** - ****	

※ 申込者（生徒本人）が未成年者の場合は、下記の親権者欄に記入してください。

親
権
者
記
入
欄

ひとり親家庭の場合は、「1」を記入してください。					
生徒の父 氏 名	フリガナ ショウガク タロウ	生年 月日	昭和 平成 西暦 56 年 4 月 10 日生		
住 所	☒ 生徒の住所と同じ（記入省略） 〒	電話	(自宅) ** - **** - **** (携帯) *** - **** - ****		
生徒の母 氏 名	フリガナ ショウガク ハナコ エリザベス	生年 月日	昭和 平成 西暦 1982 年 1 月 1 日生		
住 所	☒ 生徒の住所と同じ（記入省略） 〒 -	☐ 生徒の父の住所と同じ（記入省略） 〒	(自宅) ** - **** - **** (携帯) *** - **** - ****		

※ 親権者がいない場合は、後見人が記入してください。

後
見
人
記
入
欄

氏 名 生徒との続柄 （ ）	フリガナ	生年 月日	昭和 平成 西暦 年 月 日生
住 所	☐ 生徒の住所と同じ（記入省略） 〒 -	電話	(自宅) - - (携帯) - -

学校使用欄	
-------	--

★ 注意 ★

- **● 毎人毎人自自自自自。**
 - 毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。
 - **● 毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。**
 - 毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。
- (例) 大阪府中央区谷町2-20 大阪府都島区網島町 6-20

毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。

- 毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。
- 毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。毎人毎人自自自自自。

B

注) 申込みのしおり7ページの記入例を参照のうえ、記入してください。

太枠欄に記入してください。

振込口座届

A又はBのどちらかに記入してください。

※ 生徒本人名義で、ゆうちょ銀行（通常貯金）又は下記の5つの銀行（普通預金）のいずれかの口座内容
を正確に記入し、通帳またはキャッシュカード等のコピーを **C** にホチキス留めしてください。（15ページ参照）

A ゆうちょ銀行の場合

① 通帳記号					② 通帳番号 (右づめ記入)							
1	2	3	4	0	0	0	1	2	3	4	5	1

⚠ 注意 ⚠

・2年以上口座を使用していない場合、休眠口座となり、使用できない可能性があります。

B ゆうちょ銀行以外の場合

※下記の5つの銀行に限ります。該当する金融機関を○で囲み、その他の項目をご記入ください。

三菱UFJ	三井住友	りそな	関西みらい	池田泉州	③ 本・支店名	④ 店番号	⑤ 口座番号（右づめ記入）					
0005	0009	0010	0159	0161	本・支店							

～ アンケートにご協力ください ～

保護者が記入してください。該当する番号の ☐ にチェック「✓」してください。

問1. 大阪府育英会の予約奨学制度を知っていましたか？

☐ ① 中学校入学前から知っていた。 ☐ ② 中学校入学後に知った。 ☐ ③ 今回知った。

問2. どのように知りましたか？（複数回答可）

☐ ① 学校の進路相談や説明会
 ☐ ② 今回のチラシ
 ☐ ③ 友人・知人

☐ ④ 市町村の相談窓口
 ☐ ⑤ 大阪府・市町村の広報紙
 ☐ ⑥ ホームページ

☐ ⑦ その他 ()

問3. 育英会の奨学金制度（申込資格、貸付額、申込方法等）はわかりやすかったですか？

☐ ① とてもわかりやすかった。 ☐ ② わかりやすかった。 ☐ ③ どちらでもない。

☐ ④ わかりにくかった。 ☐ ⑤ とてもわかりにくかった。

→ わかりにくかった内容をご記入ください。

問4. 申込書の記入にあたり、しおりはわかりやすかったですか？

☐ ① とてもわかりやすかった。 ☐ ② わかりやすかった。 ☐ ③ どちらでもない。

☐ ④ わかりにくかった。 ☐ ⑤ とてもわかりにくかった。

➡ わかりにくかった内容をご記入ください。

問5. 他に育英会にご意見・ご要望等ございましたらご記入ください。

ご協力ありがとうございました。

＜育英会使用欄＞ 注）この欄は、記入しないでください。

215	216	学校番号	枝	222	科	224	算出額(1)				229	236	算出額(2)				241	248	生非
1																			
						230						235	242						
	249	算出額(3)			254	261	算出額(4)			266	273	274	275	276	277				
											16歳未満		16歳～18歳		D				
	255				260	267				272									

★ Những điều cần lưu ý khi điền thông tin ★

◆ Những điều cần lưu ý khi đăng ký tài khoản nhận tiền học bổng ◆

- ☆ Vui lòng đăng ký bằng tài khoản do học sinh đứng tên.
Không được đăng ký bằng tài khoản do người giám hộ đứng tên.
- ☆ Vui lòng chọn "Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản" hoặc một trong "5 ngân hàng được chỉ định".
Không được sử dụng các ngân hàng ngoài danh sách trên.
- ☆ Vui lòng đính kèm (bấm ghim) bản sao sổ ngân hàng hoặc thẻ ATM vào "Đơn đăng ký .
- ☆ Tài khoản phải là tài khoản tiết kiệm thông thường, tài khoản tiền gửi thông thường hoặc tài khoản tổng hợp.
Không được chuyển tiền vào tài khoản tiết kiệm tích lũy hoặc tài khoản gửi góp.
- ☆ Tùy từng ngân hàng, tài khoản không phát sinh giao dịch từ 2 năm trở lên có thể bị chuyển thành tài khoản không hoạt động và không thể sử dụng. Vui lòng đăng ký bằng tài khoản đang sử dụng gần đây.

A Trường hợp sử dụng Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản

[1] Mã ký hiệu sổ ngân hàng					[2] Số sổ ngân hàng (điền căn phải)							
1	2	3	4	0	0	0	1	2	3	4	5	1

Vui lòng điền căn phải $\Rightarrow \Rightarrow \Rightarrow$

B Trường hợp sử dụng ngân hàng khác ngoài Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản

*Chỉ áp dụng cho 5 ngân hàng dưới đây. Vui lòng khoanh tròn tổ chức tài chính tương ứng và điền các mục còn lại.

Mitsubishi UFJ	Sumitomo Mitsui	Resona	Kansai Mirai	Senshu Ikeda	[3] Tên trụ sở chính/chi nhánh	[4] Mã chi nhánh	[5] Số tài khoản (điền căn phải)
0005	0009	0010	0159	0161	Miyakojima Trụ sở chính/chi nhánh	0 3 0	0 1 2 3 4 5 6

Vui lòng điền căn phải $\Rightarrow \Rightarrow \Rightarrow$

* Trường hợp mã chi nhánh hoặc số tài khoản có thay đổi do sáp nhập ngân hàng, hợp nhất hoặc đóng/mở chi nhánh hay các lý do khác, vui lòng điền thông tin mới nhất.

Giấy chứng nhận thu nhập của người giám hộ

- Có thể nộp bản sao giấy chứng nhận thu nhập.
 - * Nếu nộp bản sao, vui lòng sao chụp toàn bộ tài liệu để đảm bảo không bị cắt mất thông tin họ tên hay năm tài chính.
- Đối với giấy chứng nhận thu nhập, vui lòng nộp một trong các giấy chứng nhận từ 1 đến 4 tại mục [1] dưới đây.
- Đối với giấy chứng nhận của các trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt, ngoài giấy tờ tại mục [1], vui lòng tham khảo nội dung tại mục [2] dưới đây để nộp giấy tờ.

[1] Giấy chứng nhận thu nhập

Hình thức nghề nghiệp của người giám hộ	Các giấy tờ cần thiết để đăng ký
1 Người có thu nhập từ tiền lương (Người làm công ăn lương, v.v...)	<u>Giấy thông báo quyết định/thay đổi số tiền thuế thu đặc biệt đối với thuế cư dân thành phố (hoặc thị trấn/làng xã), thuế cư dân tỉnh và thuế môi trường rừng liên quan đến thu nhập từ tiền lương, v.v... của năm tài chính 2026 (Dành cho người có nghĩa vụ nộp thuế)</u> (*) Giấy tờ này được nơi làm việc cấp vào khoảng cuối tháng 5 đến đầu tháng 6 năm nay. Giấy tờ này cũng được cấp cho những người không thuộc diện chịu thuế. Xem mẫu Trang 10
2 Người có thu nhập ngoài tiền lương (Người tự kinh doanh, v.v...)	<u>Giấy thông báo nộp thuế kiêm Giấy thông báo quyết định (phân bổ) số tiền thuế đối với thuế cư dân thành phố (hoặc thị trấn/làng xã), thuế cư dân tỉnh và thuế môi trường rừng của năm tài chính 2026</u> (*) Giấy tờ này đã được bộ phận phụ trách thuế của thành phố/thị trấn/làng xã gửi trong tháng 6 năm nay. Tùy theo khu vực nơi bạn cư trú, giấy tờ này có thể không được gửi cho những người không thuộc diện chịu thuế. Xem mẫu Trang 11
3 - Những người không thể nộp các giấy chứng nhận tại mục 1 và 2 nêu trên - Những người không thuộc diện chịu thuế cư trú, v.v...	<u>Giấy chứng nhận thuế cư dân thành phố (thị trấn/làng xã), thuế cư dân tỉnh và thuế môi trường rừng của năm tài chính 2026</u> (*) Vui lòng nhận giấy tờ tại quầy tiếp dân của thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã nơi bạn đăng ký địa chỉ cư trú tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2026. (Tên giấy chứng nhận có thể khác nhau tùy theo từng thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã.) Xem mẫu Trang 12
4 Người thuộc hộ gia đình được hưởng trợ cấp sinh hoạt	<u>Giấy chứng nhận đang thu hưởng (được áp dụng) trợ cấp sinh hoạt (được cấp trong vòng 3 tháng tính đến ngày nộp cho chúng tôi)</u> (*) Vui lòng nhận giấy tờ tại Văn phòng Phúc lợi thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã hoặc cơ quan chức năng tương đương tại nơi bạn cư trú. Xem mẫu Trang 13 <u>Lưu ý</u> Giấy chứng nhận phải ghi rõ họ tên học sinh và họ tên người giám hộ (bố mẹ, v.v...).

Lưu ý 1) Không thể sử dụng các giấy chứng nhận khác ngoài các giấy tờ chỉ định tại mục 1 đến 4 nêu trên. (Ví dụ: phiếu khấu trừ thuế tại nguồn, tờ khai quyết toán thuế, giấy thông báo không thuộc diện chịu thuế, v.v...)

Lưu ý 2) Vui lòng nộp giấy chứng nhận của tất cả người giám hộ.

Tuy nhiên, nếu trong giấy chứng nhận thuộc các mục 1 đến 3 nêu trên, tại mục "Vợ/chồng thuộc đối tượng khấu trừ" trong phần "Phân loại người phụ thuộc" có hiển thị các ký hiệu sau đây thì không cần nộp giấy chứng nhận của vợ/chồng: ~, "*", "★", "1", "Có"~
(Trường hợp không phải đối tượng khấu trừ đối với vợ/chồng mà là đối tượng khấu trừ đặc biệt đối với vợ/chồng, thì cần nộp giấy chứng nhận của vợ/chồng)

Lưu ý 3) Nếu có cả hai nguồn thu nhập tại mục 1 và 2 nêu trên, vui lòng nộp giấy chứng nhận của cả hai nguồn thu nhập.

[2] Giấy chứng nhận đối với trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt

* Nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây, ngoài giấy chứng nhận tại mục [1], cần nộp thêm các giấy tờ sau.

Hoàn cảnh	Các loại hồ sơ, giấy tờ cần thiết
Trường hợp là gia đình đơn thân Trường hợp trong giấy chứng nhận thuộc các mục 1 đến 3 nêu trên, tại mục "Góa phụ/Cha mẹ đơn thân" trong phần phân loại áp dụng cho người làm đơn không hiển thị ký hiệu "*", "★", v.v...	Vui lòng nộp 1 trong các giấy tờ từ (1) đến (3) dưới đây. (1) Đối với "Giấy chứng nhận cư trú" là 1 trong các giấy tờ cần nộp, vui lòng nộp Giấy chứng nhận cư trú của tất cả thành viên trong hộ gia đình (có ghi rõ mối quan hệ với chủ hộ) (2) Bản sao "Giấy chứng nhận y tế dành cho gia đình đơn thân" (3) Bản sao "Giấy chứng nhận trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em"
Trường hợp không thuộc diện chịu thuế cư trú do làm việc ở nước ngoài, v.v...	Giấy chứng nhận trả lương trong năm 2025 (theo mẫu quy định của Quỹ khuyến học Osakafu Ikueikai)
Thu nhập giảm đáng kể vì mất việc, chuyển việc hoặc các lý do khác * Nếu căn cứ vào giấy chứng nhận thu nhập nộp tại mục [1] mà số tiền được dùng để xác định thu nhập dưới 251.100 yên (ước tính thu nhập hằng năm dưới 8 triệu yên) thì không cần nộp thêm giấy tờ liên quan đến việc giảm thu nhập. (Xem trang 24, phần Hỏi & Đáp, Câu hỏi 20)	Ngoài "Bản tường trình hoàn cảnh" ghi rõ diễn biến sự việc, vui lòng nộp thêm các giấy tờ chứng nhận tương ứng dưới đây.
(1) Mất việc, bị sa thải, v.v...	Bản sao Giấy chứng nhận người đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp hoặc Giấy chứng nhận nghỉ việc, v.v...
(2) Chuyển việc, tìm việc làm, tình hình kinh doanh của nơi làm việc xấu đi, v.v...	[Nhân viên công ty, v.v...] Bản sao giấy chứng nhận thu nhập (do công ty cấp) hoặc Bảng kê chi tiết lương, v.v... [Người tự kinh doanh, v.v...] Bản sao tờ khai quyết toán thuế (bản lưu) hoặc giấy tờ thể hiện thu nhập và chi phí, v.v...

(*Chúng tôi có thể yêu cầu các giấy tờ bổ sung nếu cần. Để biết thêm chi tiết về các trường hợp khác, v.v..., vui lòng xem thêm trên trang web của Quỹ khuyến học Osakafu Ikueikai.)

Quỹ khuyến học
Osakafu Ikueikai



*** Vui lòng sao chụp toàn bộ để đảm bảo không bị cắt mất thông tin họ tên, năm tài chính và các thông tin khác!**

[Công thức] Số tiền cơ sở tính thuế cư dân thành phố/thị trấn/làng xã (A) $\times$ 6% – Số tiền khấu trừ điều chỉnh đối với thuế cư dân thành phố/thị trấn/làng xã* (B)

1. Người có thu nhập từ tiền lương (trường hợp là người làm công ăn lương, v.v...)

- Nếu tài mục “Vợ/chồng thuộc đối tượng khấu trừ” trong phần “Phân loại người phụ thuộc” có hiển thị các ký hiệu sau đây thì không cần nộp giấy chứng nhận của vợ/chồng:
- ~“x” ~“★” ~“1” ~“C6”~
- (Trường hợp không phải đối tượng khấu trừ đối với vợ/chồng mà là đối tượng khấu trừ đặc biệt đối với vợ/chồng, thì cần nộp giấy chứng nhận của vợ/chồng)

*** Vui lòng sao chụp tất cả các trang để đảm bảo không bị cắt mất thông tin họ tên, năm tài chính và các thông tin khác!**

- Giấy thông báo nộp thuế kèm Giấy thông báo quyết định (phân bổ) số tiền thuế đối với thuế cư dân thành phố, thuế cư dân tỉnh và thuế môi trường rừng

Nếu tại đây có ký hiệu “✖”, “★”, v.v... thì là trường hợp “Gia đình đơn thân”.

[illegible]

		⑥ Số tiền cơ sở tính thuế	
課税所得金額	経理通算前(損益通算前)	円	特別控除額
	譲渡一時	円	
総所得金額		円	課税標準額 (課税所得金額)
		円	
分離課税所得金額	短期譲渡一般	円	千円
	短期譲渡外国等	円	円
	長期譲渡一般	円	千円
	長期譲渡優良	円	千円
	居住用	円	千円
	株式等一般	円	千円
	譲渡上場	円	千円
	上場株式等の配当等	円	千円
山退	先物取引	円	千円
	引当	円	千円
退職	職	円	千円
算出所得割額の合計①			

市和民税 市税・府民税・森林環境税明細書について

3

課税区 台 帳 番 号 区 分

(Phần 2)

種

3

市和民税・府民税の内訳

	市 民 税	府 民 税	森林環境税	合 計
算 出 所 得 割 額 の 合 計 ①	円	円	円	円
税 調 整 控 除 額 ②	円	円	円	円
税 配 当 控 除 額 ③	円	円	円	円
住 宅 借 入 金 等 特 別 税 額 控 除 額 ④	円	円	円	円
寄 附 金 税 額 控 除 額 ⑤	円	円	円	円
外 国 税 額 控 除 額 ⑥	円	円	円	円
配 当 割 額 ・ 株 式 等 譲 渡 所 得 割 額 控 除 額 ⑦	円	円	円	円
差 引 所 得 割 額 (①－⑦) ⑧	円	円	円	円
均 等 割 額 ⑨	円	円	円	円
森 林 環 境 税 ⑩	円	円	円	円
森 林 税 額 (⑩＋⑨) ⑪	円	円	円	円

配当割額・株式等譲渡所得割額(⑦)に關する明細

	金 額
⑦のうち前割額から控除された額	円
⑦のうち前割額から控除しない額	円

この通知書によって還付する額

	還 付 す る 額
還 付 す る 額	円

合 計

市民税・府民税の内訳

	市 民 税	府 民 税
算 出 所 得 割 額 の 合 計 ①	円	円
税 調 整 控 除 額 ②	円	円
税 配 当 控 除 額 ③	円	円
住 宅 借 入 金 等 特 別 税 額 控 除 額 ④	円	円
寄 附 金 税 額 控 除 額 ⑤	円	円
外 国 税 額 控 除 額 ⑥	円	円
配 当 割 額 ・ 株 式 等 譲 渡 所 得 割 額 控 除 額 ⑦	円	円
差 引 所 得 割 額 (①－⑦) ⑧	円	円
均 等 割 額 ⑨	円	円
年 税 額 (⑧＋⑨) ⑩	円	円

⑩ Số tiền khấu trừ điều chỉnh

[Mẫu Giấy chứng nhận thu nhập] <Ví dụ của Thành phố Osaka>

3. Trường hợp nhận giấy tờ tại thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã nơi bạn cư trú

- Giấy chứng nhận thuế cư dân thành phố, thuế cư dân tỉnh và thuế môi trường rừng (Tên giấy chứng nhận có thể khác nhau tùy theo từng thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã)
- Vui lòng nhận giấy tờ tại quầy tiếp dân của thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã nơi bạn đăng ký địa chỉ cư trú tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2026.
- Nếu có Thẻ My Number, thì bạn có thể lấy các giấy tờ này tại cửa hàng tiện lợi.

Vui lòng nộp Giấy thông báo của “Năm tài chính 2026”.

令和 8年		市民税・府民税・森林環境税証明書 (令和 7年中の所得証明書)	
納税義務者	住所 令和8年1月1日現在 住所(所在地) 氏名		
市民税・府民税額(円)		延長税率別(計)	
区分	所得割額	均等割額	税額
市民税			
府民税			
森林環境税	-	-	
所得金額(円)			
所得控除額(円)			
社会保険料	寡婦・寡夫・ひとり親	特定親族特別	
小規模共済等掛金	勤労学生	基礎	
生命保険料	障がい者	推定	
地震保険料	配偶者・扶養	課税費	
	配属その他別	合計	
税額控除額(円)			
区分	分市民税	府民税	区分
調整当控除			
住宅借入金等特別控除			
		基附金税額控除等	
		所得割調整額、外国税額控除等	
		相当割額・株式等譲渡所得割額控除	
除税対象配偶者		事業従事者	
扶養親族	特選老人(内同居)	16歳未満その他	特定親族
本人(人)	人(人)	人(人)	人(人)
特別障害がい者	その他有い者	合計(本人を除く)	
人(人)	人(人)	人(人)	
(備考)			
(※) 法定税率以外の所得割の標準率に基づいた税額及び税額控除額(※この項目は証明書の提出先において使用する場合は)			
区分	所得割額	均等割額	税額
市民税			
府民税			
森林環境税	-	-	
延べ総額			
区別	分市民税	府民税	区分
税額控除			
調整当控除			
住宅借入金等特別控除			
		基附金税額控除等	
		所得割調整額、外国税額控除等	
		相当割額・株式等譲渡所得割額控除	

上記のとおり相違ないことを証明します。

記第 *** - **** 号

令和8年 月 日

大阪市長

印

Ⓐ Số tiền cơ sở tính thuế

課税標準額 (計)	
均等割額	在 税 額

税 額 控 除 額 (円)		分 市 民 税	府 民 税
調 整 控 除			
配 当 控 除			
住 宅 借 入 金 等 特 別 控 除			

⑧ Số tiền khấu trừ điều chỉnh

区	分	市	民	税	府	民	税
調	整	控	除				
配	当	控	除				
住	宅	借	入	金	等	特	別
控	除						

* Số tiền nhận với 3/4

* Số tiền nhân với 3/4

Đối với Thành phố Osaka và Thành phố Sakai là các thành phố do Chính phủ chỉ định, cột "(Tham khảo) Số tiền thuế và số tiền khấu trừ thuế tính theo mức thu suất tiền chuẩn đối với phần thu nhập của các thành phố không phải là thành phố được chỉ định" cũng hiển thị số tiền khấu trừ điều chỉnh sau khi nhân với 3/4.

控除対象
配偶者

本人該当	特別障がい	その他障がい	寡婦	特別寡婦	寡夫	ひとり親	勤労学生

Nếu tại mục "Vợ/chồng thuộc đối tượng khấu trừ" trong phần "Phân loại người phụ thuộc" có hiển thị các ký hiệu hay đánh dấu sau đây thì không cần nộp giấy chứng nhận của vợ/chồng: "-", "★", "1", "C6"-

(Trường hợp không phải đối tượng khấu trừ đối với vợ/chồng mà là đối tượng khấu trừ đặc biệt đối với vợ/chồng, thì cần nộp giấy chứng nhận của vợ/chồng)

Nếu tại đây có ký hiệu "✖", "★", v.v... thì là trường hợp "Gia đình đơn thân".

[Mẫu Giấy chứng nhận thu nhập] <Ví dụ của Thành phố Osaka>

4. Trường hợp thuộc hộ gia đình được trợ cấp sinh hoạt

- Giấy chứng nhận đang được thụ hưởng chế độ trợ cấp sinh hoạt
(Tên giấy chứng nhận có thể khác nhau tùy theo từng thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã)
- Vui lòng nhận giấy tờ tại Văn phòng Phúc lợi thành phố/quận huyện/thị trấn/làng xã hoặc cơ quan chức năng tương đương nơi bạn cư trú.

Giấy tờ phải được cấp trong vòng 3 tháng tính đến ngày nộp cho chúng tôi (có thể nộp bản sao)

大〇保
第*****号
令和8年9月11日

生活保護適用証明書

次の者は当所において、生活保護法の適用を受けていることを証明します。

大阪市〇〇区保健福祉センター所長 印

記

住 所	大阪市〇〇区〇〇町1-2-3		
氏 名	奨学 太郎 (世帯主・外 2 名)	Giấy tờ phải ghi rõ họ tên học sinh và họ tên người giám hộ (bố mẹ, v.v...).	
生 年 月 日	昭和56年4月10日	性 別	男
扶 助 の 種 類	生活扶助・住宅扶助・教育扶助・医療扶助		
適 用 期 間	令和 元年11月20日～継続中	Phải đang nhận trợ cấp sinh hoạt tại thời điểm nộp đơn xin học bổng	
そ の 他	奨学 花子 エリザベス (妻) 1982年1月1日生まれ 奨学 希望 (子) 平成23年8月17日生まれ 以下余白		

1. Nộp Giấy chứng nhận cư trú (Vui lòng nộp bản gốc được cấp trong vòng 3 tháng)

© Cần nộp Giấy chứng nhận cư trú có ghi tên người đăng ký (bản thân học sinh) và người giám hộ.

(Trường hợp Giấy chứng nhận cư trú này đồng thời được sử dụng làm giấy tờ chứng minh là gia đình đơn thân, vui lòng nộp Giấy chứng nhận cư trú của tất cả thành viên trong hộ gia đình (có ghi rõ mối quan hệ với chủ hộ).)

<Mẫu của Thành phố Osaka>

	大阪市〇〇区					
	住 所	〇〇区〇〇町1丁目2番3号				
	世帯主	甥学 太郎				
1	氏 名	甥学 太郎				
	生年月日	昭和56年4月10日	個人番号	記載省略	住民票コード	記載省略
	性 別	男	続柄	世帯主	市民となった年月日	平成〇年〇月〇日
	住所を定めた年月日	平成〇年〇月〇日	届 出	をした年月日	平成〇年〇月〇日	
	本 籍	記載省略				
	筆頭者	記載省略				
	前住所	平成〇年〇月〇日	異動	大阪市中央区谷町2丁目2番20号から転入 平成〇年〇月〇日 届出		
	備 考					
2	氏 名	SHOGAKU HANAKO ELIZABETH				
	通称	甥学 花子 エリザベス				
	生年月日	1982年1月1日	個人番号	記載省略	住民票コード	記載省略
	性 別	女	続柄	妻	外国大住民となった年月日	平成〇年〇月〇日
	住所を定めた年月日	平成〇年〇月〇日	届 出	をした年月日	平成〇年〇月〇日	
	国籍・地域	米国 在留期間等：5年 第30条の45に規定する区分：中長期在留者 在留資格：日本人の家族者等 在留期間等の満了：平成〇年〇月〇日				
	前住所	平成〇年〇月〇日	異動	大阪市中央区谷町2丁目2番20号から転入 平成〇年〇月〇日 届出		
	備 考					
3	氏 名	甥学 希望				
	生年月日	平成23年8月17日	個人番号	記載省略	住民票コード	記載省略
	性 別	女	続柄	子	市民となった年月日	平成〇年〇月〇日
	住所を定めた年月日	平成〇年〇月〇日	届 出	をした年月日	平成〇年〇月〇日	
	本 籍	記載省略				
	筆頭者	記載省略				
	前住所	平成〇年〇月〇日	異動	大阪市中央区谷町2丁目2番20号から転入 平成〇年〇月〇日 届出		
	備 考					
4	氏 名	*** 以下 余 白 ***				
	生年月日		個人番号		住民票コード	
	性 別	女	続柄		市民となった年月日	
	住所を定めた年月日		届 出	をした年月日		
	本 籍					
	筆頭者					
	前住所					
	備 考					

(1/1)

個人番号	記載省略
------	------

(Lưu ý 1)

**Chúng tôi không thể tiếp nhận nếu Giấy chứng nhận cư trú có
hiện thi mã số cá nhân (My Number).**

国籍・地域：米国	在留カード等の番号：〇〇〇〇〇〇〇〇〇〇〇〇
第30条の45に規定する区分：中長期在留者	在留資格：日本人の配偶者等
在留期間等：5年	在留期間等の満了の日：〇年〇月〇日

(Lưu ý 2)

Nếu người giám hộ là người mang quốc tịch nước ngoài thì cần
hiển thị rõ thông tin đó.
Nếu quen hiển thị thông tin, vui lòng đính kèm bản sao “Thẻ cư trú”
hoặc “Giấy (thẻ) chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt”.
Chúng tôi không thể tiếp nhận trường hợp không có cả hai loại giấy
trên.

 $(1/1)$

(LƯU Ý 3)

- Trường hợp giấy tờ có nhiều trang và có ghi số trang như “1/2” hoặc “1 trong tổng số 2 tờ”, vui lòng nộp đầy đủ tất cả các tờ.
- Chúng tôi không thể tiếp nhận giấy tờ đã được tháo rời khỏi bộ hồ sơ (tách thành từng tờ hoặc lấy ra một số tờ).
- Vui lòng lưu ý không lấy phần thông tin của những người cùng sống trong hộ gia đình ngoài người đăng ký (bản thân học sinh) và người giám hộ (chẳng hạn như anh chị em, v.v...) ra khỏi giấy tờ.

令和8年9月〇〇日

(Lưu ý 4) Giấy tờ phải được cấp trong vòng 3 tháng tính đến ngày nộp cho chúng tôi **(không chấp nhận bản sao)**

2. Người giám hộ là người mang quốc tịch nước ngoài

(1) Nếu người giám hộ là người mang quốc tịch nước ngoài, sẽ có những hạn chế về điều kiện đăng ký như được nêu trong bảng dưới đây.

Điều kiện đăng ký	Tư cách lưu trú (Lưu ý)
Có	Người có visa vĩnh trú; vợ/chồng, v.v... của người Nhật; vợ/chồng, v.v... của người có visa vĩnh trú; người có visa định cư (*)
Không	Ngoại giao, Công vụ, Giáo sư, Nghệ thuật, Tôn giáo, Báo chí, Chuyên gia cao cấp, Quản lý - Kinh doanh, Pháp luật - Kế toán, Y tế, Nghiên cứu, Giáo dục, Kỹ thuật - Tri thức nhân văn - Nghiệp vụ quốc tế, Chuyển công tác trong nội bộ doanh nghiệp, Chăm sóc, Biểu diễn, Kỹ năng, Kỹ năng đặc định, Thực tập kỹ năng, Hoạt động văn hóa, Lưu trú ngắn hạn, Du học, Thực tập, Lưu trú theo gia đình, Hoạt động đặc định

(Lưu ý) Các tư cách lưu trú này được quy định theo “Luật Kiểm soát Xuất nhập cảnh và Công nhân Người tị nạn (Sắc lệnh số 319 năm 1951)”.

(2) Để xác nhận tư cách lưu trú, trên Giấy chứng nhận cư trú cần có mục “Tư cách lưu trú”. **Hình trên (Lưu ý 2)**

(3) Đối với visa định cư (*), những người không có ý định cư trú vĩnh viễn tại Nhật Bản trong tương lai sẽ không có tư cách đăng ký.

Để xác nhận ý định muốn cư trú vĩnh viễn tại Nhật Bản trong tương lai, cần nộp “Bản cam kết” theo mẫu quy định của Quỹ khuyến học Osakafu Ikuikai.

Có thể in “Bản cam kết” có sẵn từ trang web của Quỹ Osakafu Ikueikai. (Xem trang 1)

**Trường hợp Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản
(tài khoản tiết kiệm thông thường)**

* **Nếu không có chức năng chuyển tiền, sẽ không thể thực hiện chuyển khoản!**

Nếu có ① hoặc ② ở bên phải thì tài khoản có chức năng chuyển tiền.

- ① Có dấu “○” tại mục “Mở tài khoản chuyển khoản”.
- ② Có số tiền được in tại mục hạn mức tối đa.

* **Nếu không có cả hai dấu hiệu trên hoặc không có số ngân hàng nên không thể xác nhận tài khoản có chức năng chuyển tiền hay không, vui lòng liên hệ với Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản!**

Vui lòng sao chụp lại trang này và nộp bản sao. ➡➡

Vui lòng điền ký hiệu và số sổ ngân hàng được ghi tại đây vào Mẫu đơn B

記号 12340 番号 123451
おなまえ ショウガク ノゾミ 様

株式会社 ゆうちょ銀行 (金融機関コード: 99) 印
通帳作成地 東京都千代田区〇 株式会社ゆうちょ銀行

① ②

カード紛失センター 0120-***

振込口座開設(送金機能) 通常貯金ご利用の上限額 13,000,000円 確定

ご利用額 定期貯金 活期貯金 国債等自動貸付け

銀行使用欄

[Loại tiền gửi] là tiền gửi thông thường

この口座を他金融機関からの振込・受取口座として利用される際は次の内容をご指定ください

【店名】〇〇〇 【店番】〇〇〇 【預金種目】普通預金 【口座番号】〇〇〇〇〇〇〇〇

Trường hợp các ngân hàng khác

⚠️ **Không thể sử dụng tài khoản tại các ngân hàng ngoài các ngân hàng được chỉ định dưới đây** ⚠️

Vui lòng nộp bản sao của trang có ghi “tên chủ tài khoản”, “số tài khoản”, “mã chi nhánh” và “tên chi nhánh” của tài khoản tiền gửi thông thường (tài khoản tổng hợp) (trang ngay sau trang bìa sổ ngân hàng).

Ngân hàng được chỉ định

- Ngân hàng Mitsubishi UFJ
- Ngân hàng Sumitomo Mitsui
- Ngân hàng Resona
- Ngân hàng Kansai Mirai
- Ngân hàng Ikeda Senshu

* **Đối với loại tài khoản không có sổ ngân hàng, có thể nộp bản sao thẻ ATM hoặc bản in “Hình ảnh trang bìa sổ ngân hàng” hay “Biên bản thông báo số tài khoản”, v.v... do các ngân hàng cấp sau khi đăng nhập vào dịch vụ ngân hàng trực tuyến.**
(Nếu sao chụp thẻ ATM, vui lòng sao chụp rõ nét để có thể đọc được các nội dung ghi trên thẻ!)

Trường hợp thẻ ATM



Trường hợp bản sao màn hình sổ ngân hàng điện tử

2026年 月 日

口座番号連絡書

ショウガク ノゾミ 様

お取引店	
店番号 〇〇〇	支店名 〇〇支店
預金種類 残高別普通	口座番号 12345

〇〇〇銀行